



shì zi
柿子

Noun · Persimmon

Example Sentences

zhè shì yí gè shì zi
这是一个柿子。

This is a persimmon.

zài zhèng shì yàn huì shàng zhè dào shì zi tián diǎn xiǎn de gé wài jīng zhì
在正式宴会上，这道柿子甜点显得格外精致。

At the formal banquet, this persimmon dessert appeared exceptionally exquisite.

qiū tiān dào le shì zi chéng shú le
秋天到了，柿子成熟了。

Autumn has arrived, and the persimmons are ripe.

Trace each character, then write the word on your own.

柿	柿	柿	柿	柿	柿	柿	柿	柿	柿	柿
子	子	子	子	子	子					